UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 411 /BC-UBND	*Quảng Xương, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế- xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2025

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024, đặt ra nhiều thách thức khi phải đối mặt với hàng loạt biến động lớn từ bên ngoài như: tình trạng lạm phát gia tăng, thị trường lao động thiếu hụt, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi ở những tháng cuối năm, song chưa thực sự khởi sắc... và những khó khăn nội tại trong huyện. Bên cạnh đó một số chính sách được ban hành nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện nhất là các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật đất đai.

Trong bối cảnh đó, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt, điều hành linh hoạt; đồng thời có sự phối hợp hiệu quả, vào cuộc tích cực của các ngành, tổ chức đoàn thể cấp huyện, sự nỗ lực cố gắng của UBND các xã, thị trấn, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong huyện, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024 của huyện tiếp tục phát triển ổn định với nhiều kết quả tích cực.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) năm 2024 ước đạt 21.403 tỷ đồng, quy mô giá trị xếp thứ 9 toàn tỉnh; Tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 7,04%, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản ước tăng 3,41%; công nghiệp – xây dựng ước tăng 8,04%; dịch vụ ước tăng 9,37%. Cơ cấu giá trị sản xuất trong các ngành chuyển dịch đúng hướng, ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 31,3%; công nghiệp - xây dựng chiếm 39,3%; dịch vụ chiếm 29,4%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 66,52 triệu đồng/năm, tăng 5,6% so với CK. Tổng huy động vốn đầu tư phát triển toàn huyện ước đạt 5.271 tỷ đồng, tăng 11,06 % so với CK.

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất ước đạt 3.416 tỷ đồng, bằng 100 % KH, tăng 3,41% so với CK; giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 212,4 triệu đồng, bằng 100,2% KH, tăng 4,9% so với CK.

Ngành nông nghiệp tiếp tục mở rộng vùng sản xuất tập trung, đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Tổng diện tích gieo

trồng đạt 18.083,9 Ha, bằng 97,2% KH [1], tăng 1,5% so với CK; trong đó, cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như cây thuốc lào, diện tích gieo trồng đạt 570 ha, vượt 3,7% KH, tăng 4,8 % so với CK; tích tụ, tập trung được 255 ha đất nông nghiệp để sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, vượt 28% KH huyện giao, vượt 2% KH tỉnh giao. Năng suất một số cây trồng chủ yếu đều đạt KH, tăng trưởng so với CK [2]. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang cây trồng có giá trị kinh tế cao đã được quan tâm thực hiện, đến nay trên toàn huyện diện tích trồng cây thuốc lào đạt trên 570 ha, sản lượng 627,4 tấn, giá trị 313 tỷ đồng; diện tích cây cói với đạt gần 1075 ha, sản lượng 8.317 tấn, giá trị 149 tỷ đồng. Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 83.589,6 tấn, đạt 105% KH, tăng 2,9% so với CK [3]. Thực hiện chỉ tiêu tỉnh giao về chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi đạt bình quân 102% KH năm [4]; Xây dựng và hoàn thành 19 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn [5], đạt 126,6% KH huyện giao, đạt 100% KH tỉnh giao, tăng 18% so với CK. Xếp hạng và công nhận 11 sản phẩm OCOP 3 sao đạt 137,5% KH tỉnh, đạt 110% KH huyện giao; công nhận lại cho 6 sản phẩm OCOP (trong đó công nhận lại cho 2 sản phẩm OCOP 4 sao: Nước mắm Cự Nham loại đặc biệt và mắm cáy xã Quảng Phúc).

Ngành chăn nuôi có nhiều biến động về công tác tái đàn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tổng đàn gia súc ước đạt 46,55 nghìn con [6]; tổng đàn gia cầm ước đạt 1,1 triệu con; toàn huyện đã có 24 trang trại áp dụng tiêu chuẩn VietGAP.

Lâm nghiệp, duy trì tốt công tác chăm sóc bảo vệ cây trồng, năm 2024, toàn huyện đã trồng được 150.000 cây, đạt 100% KH; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 1,37%, bằng 100% KH, bằng 100% so với CK.

Sản xuất thủy sản duy trì ổn định, nhiều chỉ số tăng so với cùng kỳ. Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản ước đạt 29.875 tấn, tăng 5,1% so với CK; trong đó sản lượng khai thác ước đạt 22.686 tấn, tăng 6,2% so với CK; sản lượng nuôi trồng ước đạt 7.189 tấn, tăng 1,8% so với CK. Công tác quản lý tàu cá, khai thác đánh bắt đảm bảo an toàn cho người và phương tiện, chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp và không khai báo (IUU) tiếp tục được tăng cường.

1.2. Chương trình xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, đã hoàn thành công nhận 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Quảng Ninh, Quảng Hòa, Quảng Chính) đạt 150% KH tỉnh giao, đạt 300% KH của huyện; 20 thôn NTM kiểu mẫu,

---

[1] Trong đó, diện tích gieo trồng vụ Đông đạt 1.670,7 Ha, bằng 92,81% KH, tăng 0,7% CK; Diện tích gieo trồng vụ chiêm xuân đạt 8.581,9 Ha, bằng 100,96% KH, tăng 0,9% so với CK; Diện tích gieo trồng vụ thu mùa đạt 7.831,26 Ha, bằng 94,35% KH, tăng 2,34% so với CK. Diện tích theo loại cây trồng: Cây lúa: diện tích 12.588,75 Ha; Cây ngô: diện tích 471,37 ha; **Cây thuốc lào: diện tích 570,37 ha;** Cây cói: diện tích 1.075,61 ha; Cây rau, đậu, hoa, cây cảnh các loại: diện tích 2.771,97 ha.

[2] Như: Cây lúa: Năng suất lúa cả năm ước đạt 64,7 tạ/ha, bằng 107,8% so KH, tăng 1,3% so với CK; Cây ngô: năng suất cả năm ước đạt 48,1 tạ/ha, bằng 105,2% KH, tăng 3,4% so với CK; **Cây thuốc lào**: năng suất ước đạt 11 tạ/ha, bằng 100% KH, tăng 5,8% so với CK; Cây cói: năng suất ước đạt 77 tạ/ha, bằng 100,7% KH, bằng 100% so với CK.

[3] Trong đó: Lúa ước đạt 81.320,5 tấn, bằng 105,2% so với KH, tăng 3% so với CK (vụ chiêm xuân đạt 43.434,3 tấn, vụ thu mùa ước đạt 37.886,2 tấn); Ngô ước đạt 2.269,1 tấn, bằng 82,6% so với KH, tăng 1,3% so với CK;

[4] Cụ thể: Lú gạo 18.320 tấn, đạt 101,8%; rau, quả 5.200 tấn, đạt 104 %; thịt gia súc, gia cầm 3.838 tấn, đạt 101 %; thủy sản 2.940 tấn, đạt 105% KH.

[5] Gồm 2 chuỗi lúa gạo, 5 chuỗi rau quả, 6 chuỗi thịt gia súc, gia cầm và 6 chuỗi thủy sản. Kết quả cung ứng thực phẩm an toàn: Gạo 18.320 tấn /18.000 tấn (101,8%); rau, quả 5.200 tấn/5.000 tấn (104%);thịt gia súc, gia cầm 3.838 tấn/3.800 tấn (101%); thủy sản (tôm, cá) 2.940 tấn/ 2.800 tấn (105%)

6 Tổng đàn lợn: 40.648 con, tăng 2,3% so với cùng kỳ; đàn trâu: 528 con, giảm 4,9% so với CK; Tổng đàn bò: 4.294 con, giảm 5,8% so với cùng kỳ; Tổng đàn dê: 1.077 con, tăng 6,7% so với CK.

đạt 90,9% KH của huyện. Ước đến 31/12/2024, trung bình tiêu chí xã NTM toàn huyện đạt 18,1/19 tiêu chí/xã.

1.3. Sản xuất công nghiệp- xây dựng

Giá trị sản xuất ước đạt 4.951 tỷ đồng, tăng 8,04% so với CK. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn nỗ lực khắc phục khó khăn để phát triển sản xuất, các sản phẩm công nghiệp chủ lực như: quần áo may sẵn tăng 12,4%, bàn ghế các loại tăng 13,1% , Giầy xuất khẩu tăng 13,2% so với CK.

Công tác QLNN về đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng được quan tâm thực hiện. Đã thẩm định mới, thẩm định điều chỉnh đối với 107 công trình nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã; HĐND huyện đã quyết định chủ trương đầu tư mới đối với 27 dự án từ các nguồn vốn NSNN.Trong năm đã khởi công mới 68 công trình, hoàn thành đưa vào sử dụng 103 công trình. Quản lý trật tự xây dựng tiếp tục được chấn chỉnh, tăng cường, đã cấp phép 301 giấy phép xây dựng [7]; các vi phạm quy định về trật tự xây dựng được xử lý theo quy định.

1.4. Thương mại, dịch vụ

Các ngành thương mại, dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ước đạt 3.462 tỷ đồng, tăng 9,4% so với CK. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2024 ước đạt 7.542 tỷ đồng, tăng 11,6% so với CK. Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa ước đạt 99,4 triệu USD, bằng 124,2 % KH, tăng 15 % so với CK[8]. Giá trị xuất khẩu từ lao động ước tính 23,5 triệu USD, đạt 106,8% kế hoạch, tăng 27,7 % so với CK[9]. Dịch vụ vận tải hàng hóa, khối lượng vận chuyển tăng 8%, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 9,3% so với CK [10]. Dịch vụ vận tải hành khách, khối lượng vận chuyển tăng 7,6 %, khối lượng luân chuyển tăng 8,5% so với CK. Dịch vụ du lịch đã có nhiều khởi sắc, số lượt khách đến du lịch, nghỉ dưỡng biển tăng cao trong mùa hè.

Hạ tầng dịch vụ tiếp tục được quan tâm, nhất là mở rộng dịch vụ tín dụng, ngân hàng trên nền tảng số. Công tác chỉ đạo xây dựng, duy trì các cơ sở kinh doanh thực phẩm an toàn(TPAT) năm 2024 và công tác hợp chuẩn Chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 [11] được quan tâm thực hiện. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ theo Đề án số 319/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính Phủ chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử; đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát, phòng chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại, phát hiện và xử lý 45 vụ vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính về gian lận thương mại 228 triệu đồng.

1.5. Hoạt động thu chi ngân sách

---

[7] Cấp 296 giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, 05 dự án vốn doanh nghiệp.

[8] Theo thành phần kinh tế: Kinh tế cá thể ước đạt 25,5 triệu USD, tăng 16 % so với CK; kinh tế tư nhân ước đạt 41 triệu USD, tăng 13,8 % so với CK; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 32,9 triệu USD, tăng 15,7% so với CK. Năm 2024 trên địa bàn huyện có 12 doanh nghiệp xuất, nhập khẩu, các mặt hàng được xuất khẩu đi các nước Mỹ, Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc; có 17 hộ cá thể xuất khẩu tiểu ngạch với các sản phẩm thủy hải sản các loại. Một số công ty có giá trị xuất khẩu lớn như: Công ty FRUIT OF THE ROOM có giá trị xuất khẩu ước đạt 19 triệu USD, Cty cổ phần may BHAD đạt 15 triệu USD, công ty TNHH 888 ước đạt 13,5 triệu USD.

[9] Toàn huyện có 2.850 người đang đi xuất khẩu lao động tại 35 nước, trong đó số lao động đi xuất khẩu tại Nhật bản nhiều nhất là 1.105 người, Đài Loan là 595 người, Hàn Quốc là 310 người. Xã có nhiều người đi xuất khẩu nhất là Quảng Chính (495 người), Quảng Yên (328 người), Thị trấn Tân Phong (260 người), Quảng Trạch (162 người).

[10] Khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 778 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa 36.959 nghìn tấn.km; khối lượng vận chuyển hành khách 286 nghìn khách, khối lượng lân chuyển hành khách đạt 19.248 nghìn khách.km.

[11] Đến nay 24/24 chợ (đạt 100%) chợ trên địa bàn huyện đã hợp chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN: 11856:2017

Thu ngân sách Nhà nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, kết quả đạt thấp so với kế hoạch. Thu nội địa thực hiện năm 2024 ước đạt 752,2 tỷ đồng [12], đạt 63,6% so với dự toán tỉnh tỉnh giao, đạt 63,3% dự toán huyện giao; trong đó, thu thường xuyên đã chuyển biến rõ rệt, ước đạt 131,1 tỷ đồng [13], tăng 6% so với dự toán tỉnh giao, tăng 2% dự toán huyện giao và tăng 14,9 % so với CK; thu tiền sử dụng đất 512 tỷ đồng, đạt 48,3% dự toán tỉnh và huyện giao [14]. Tổng chi ngân sách huyện ước thực hiện 1.377 tỷ đồng, đạt 78% so với dự toán huyện giao, tăng 2% so với CK; trong đó, chi đầu tư ước đạt 597.6 tỷ đồng *(bao gồm số ghi chi chi phí GPMB thuê đất và ghi chi tiền sử dụng đất: 205.573 triệu đồng)*, đạt 85,1% so với dự toán HĐND huyện giao; chi thường xuyên ước đạt 779,4 tỷ đồng, đạt 96% so với dự toán HĐND huyện giao; chi CTMT của tỉnh giao ước đạt 147,1 tỷ đồng, đạt 87% so với dự toán mục tiêu được bổ sung; chi từ các chương trình theo Nghị quyết của HĐND huyện ước đạt 17,6 tỷ đồng, đạt 52% so với dự toán NQ HĐND huyện phê duyệt; các nhiệm vụ chi thường xuyên được cân đối, rà soát, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Giải ngân vốn đầu tư công các dự án tỉnh theo dõi đạt 93,3% kế hoạch vốn giao năm 2024 [15].

1.6. Huy động vốn đầu tư phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn huyện ước đạt 5.271 tỷ đồng, tăng 11,15% so với CK [16]. Đã tích cực, chủ động đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện việc thẩm định, trình duyệt các quy hoạch, tạo điều kiện để thu hút đầu tư; UBND huyện đã phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với 08 đồ án quy hoạch chi tiết; đang triển khai điều chỉnh 08 đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030; trình Thủ tướng Chính phủ về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045; đã hoàn thành nội dung lấy ý kiến các tổ chức trên địa bàn huyện và ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư đối với đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung khu du lịch đô thị ven biển; đã thực hiện xong quy trình xin ý kiến các bộ, ngành Trung ương đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lưu Bình, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo thẩm quyền, theo quy định.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN; tiến độ các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và dự án trọng điểm của huyện như: Dự án đường từ Núi Văn Trinh (ĐT 504) đến đường Thọ Xuân – Nghi Sơn (ĐT 506); Đường giao thông từ cầu Thắng Phú đi Quốc lộ 1A. Tập trung đẩy nhanh tiến độ GPMB các dự án trọng điểm như: dự án khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, GPMB dự án sân Golf tại Quảng Nham, Khu đô thị Đông Công sở thị trấn Tân Phong; Khu đô thị Đông Tân Phong, các cụm công nghiệp Quảng Yên, Nham Thạch, Cống Trúc...

---

[12] Bao gồm: số ghi thu tiền sử dụng đất: 100,08 tỷ đồng; số ghi thu tiền thuê đất: 105,5 tỷ đồng; số thu bồi thường do thu hồi đất công ích: 816 triệu đồng.

[13] Không bao gồm số ghi thu tiền thuê đất và số thu bồi thường do thu hồi đất công ích

[14] Trong đó dự án khu đô thị khoáng nóng (tập đoàn Sungroup) còn 785 tỷ đồng chưa nộp tiền sử dụng đất.

[15] Tổng vốn đầu tư công (tỉnh theo dõi) giao KHV năm 2024 là 250,016 tỷ đồng, ước giải ngân 233,233 tỷ đồng; trong đó Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giải ngân ước đạt 210,685/227,469 tỷ đồng, đạt 92,6%; Giải ngân Vốn CTMTQG đạt 19,747/19,747 tỷ đồng, đạt 100%; Giải ngân vốn tiết kiệm chi ước đạt 2,8/2,8 tỷ đồng, đạt 100%

[16] Năm 2023 tổng vốn đầu tư trên địa bàn huyện đạt 4.742 tỷ đồng; Kế hoạch giao năm 2024 là 7500 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) của huyện năm 2024. Duy trì định kỳ việc tổ chức gặp gỡ doanh nghiệp trao đổi, cung cấp thông tin về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, của huyện; đồng thời tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; Ước thực hiện năm 2024, thành lập mới 100 doanh nghiệp đạt 111% KH; cấp mới, cấp đổi 1.800 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình; có 4 Hợp tác xã thành lập mới [17], đạt 200% KH tỉnh, huyện giao.

1.7. Quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường

Quản lý nhà nước về đất đai được thực hiện đảm bảo đúng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Đã hoàn thành xây dựng, được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024; tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác tổng hợp, phân loại các trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền tại địa phương; đã cấp 389 giấy chứng nhận QSD đất [18] và chuyển mục đích sử dụng đất cho 62 hộ gia đình, cá nhân; thu hồi 46 giấy chứng nhận QSDĐ. Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm; phong trào hưởng ứng đợt cao điểm chiến dịch về bảo vệ môi trường được các địa phương tích cực triển khai, bước đầu phát huy hiệu quả; mô hình thu gom, giữ gìn vệ sinh đường phố, đường xã sáng, xanh, sạch gắn với xây dựng xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được duy trì và nhân rộng. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn chiếm 95%, đạt 102,2% so với KH tỉnh giao, tăng 1,77% so với CK; tỷ lệ dân số dùng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch chiếm 97 %, đạt 99,7% so KH, tăng 4,1% so với CK. Tổng diện tích đã hoàn thành giải phóng mặt bằng là 158,81 ha/172,24 ha đạt 92,2 % KH tỉnh giao, tăng 17,5% so với CK.

2. Về văn hoá - xã hội

2.1.Văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch

Làm tốt công tác thông tin và tuyên truyền, kịp thời chuyển tải đầy đủ thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội đến nhân dân; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa và lễ hội truyền thống, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trực quan[19] phục vụ các sự kiện, ngày lễ lớn; chất lượng, nội dung phát thanh trực tiếp được nâng lên[20]. Công tác kiểm tra, xử lý các thông tin báo chí phản ánh được thực hiện kịp thời; tình trạng lợi dụng danh nghĩa báo chí để hoạt động sai mục đích, tôn chỉ tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở" trên trên địa bàn

---

[17] Tại các xã: Quảng Nham, thị trấn Tân Phong, Quảng Thái

[18] Trong đó : 224 GCNQSDĐ trúng đấu giá với diện tích 3.172,5m2 , công nhận và cấp giấy cho 165 GCNQSDĐ cho các hộ gia đình cá nhân với diện tích là 150.257 m2.

[19] Đã thực hiện tại Trung tâm huyện: Lắp đặt 10 hộp ki ốt tranh, khẩu hiệu, 10 hộp pano truyên truyền cổ động trực quan; 140 tấm vinhet; lắp đặt 02 panô tấm lớn (Kt 60m^2); 02 cụm cổ động tấm lớn (Kt 90 m^2); 202 cụm tranh cổ động; đã thực hiện gần 100 lượt BangZon, 1.500 lá Hồng kỳ tuyên truyền các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước, của tỉnh, huyện.

[20] Duy trì sản xuất chương trình phát thanh hàng ngày, phát sóng thường xuyên 3 lần/ ngày với thời lượng từ 5 - 7 phút/chương trình; 1.550 tin bài tuyên truyền trên sóng phát thanh; duy trì 800 buổi phát sóng trên sóng FM, sản xuất 270 chương trình phát thanh, mỗi ngày một chuyên mục; Biên tập đăng tải 600 bài viết tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh Thanh Hóa;.

huyện Quảng Xương đến năm 2030; kết quả thực hiện chỉ tiêu " gia đình văn hóa", "khu dân cư văn hóa" đạt 84%, đạt 100% KH tỉnh, huyện giao. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển du lịch huyện Quảng Xương đến năm 2030.

Các hoạt động văn hóa, thể thao đã tổ chức được nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, giữ gìn nét đẹp văn hóa cổ truyền của Nhân dân các địa phương và thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia. Thể thao quần chúng được quan tâm, năm 2024 đã tổ chức và phối hợp tổ chức thành công 05 giải hoạt động thể thao cấp tỉnh, cấp huyện; hoạt động thể thao đã gặt hái được nhiều thành tích cao như đạt 03 HCB tại hội diễn các câu lạc bộ VOVINAM tỉnh Thanh Hóa lần thứ IX " Mừng Đảng - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024"; 3 giải A, 4 giải B tại liên hoan Văn hóa dân tộc tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX; 01 giải khuyến khích môn Việt dã toàn tỉnh; 01 HCĐ giải Thể thao gia đình toàn tỉnh.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa, các giá trị văn hóa tiếp tục được quan tâm. Nghệ thuật trình diễn dân gian Hát nhà trò văn trinh, xã Quảng Hợp đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Đã khởi công xây dựng công trình: Tu bổ, tôn tạo di tích cấp quốc gia đền thờ Hoàng Bùi Hoàn; di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh Cây Đa làng Si; công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn được tăng cường. Chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện đạt kết quả bước đầu.

2.2.Giáo dục và Đào tạo

Quy mô, mạng lưới trường lớp từ mầm non đến phổ thông tiếp tục được điều chỉnh phù hợp. Đội ngũ CBGV, NV ngày càng được chuẩn hóa, trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm 95% (tăng 1.5%). Phối hợp, tổ chức tốt các kỳ thi tuyển sinh, tốt nghiệp THPT trên địa bàn huyện đảm bảo nghiêm túc và an toàn đúng quy chế. Chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục đại trà được duy trì, nâng cao; tham dự các kỳ thi, hội thi quốc gia, cấp tỉnh đạt kết quả cao: Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, huyện xếp thứ Nhì toàn tỉnh, tăng 4 bậc so với năm học 2023-2024; Kỳ thi tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Lam Sơn, huyện có 29 học sinh trúng tuyển, tăng 5 em so với năm học trước, đứng thứ 2 toàn tỉnh về địa phương có số học sinh thi đậu vào trường THPT chuyên Lam Sơn; Kỳ thi vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025, tổng điểm trung bình chung các môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh đạt 33,2 điểm, xếp thứ 2 toàn tỉnh (tăng 5 bậc so với năm học 2023-2024). Kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học năm học 2024-2025, toàn huyện có 228 học sinh đạt tổng điểm từ 27 điểm trở lên (tăng 87 học sinh so với năm 2023), trong đó có 01 học sinh đạt thủ khoa khối C toàn quốc. Công tác Phổ cập giáo dục tiếp tục được quan tâm thực hiện; công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành và các đơn vị, trường học có nhiều đổi mới, hiệu quả; huyện tiếp tục duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục đạt mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Cơ sở vật chất trường học được tăng cường, 100% trường học có nhà lớp học kiên cố cao tầng, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 96,3%; tiếp tục duy trì tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 100% [21].

Hoạt động khuyến học, khuyến tài, phong trào xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh; hoạt động cụm thi đua khuyến học, các hoạt động khuyến học ngày

[21] Trong đó đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu xây dựng trường đạt CQG năm 2024, với 17 đơn vị trường học được công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (tăng 07 đơn vị), đạt 170% ké hoạch giao năm 2024.

càng hiệu quả, thiết thực. Đã huy động Quỹ Khuyến học các cấp hơn 6,1 tỷ đồng, đã khen thưởng, cấp học bổng và hỗ trợ học sinh khó khăn cho trên 14.000 lượt HS, SV,GV với số tiền là 5,3 tỷ đồng. Số lượng và tỷ lệ đăng ký các danh hiệu về "*Gia đình học tập*", "*Dòng họ học tập*", " *Cộng đồng học tập*", "*Đơn vị học tập*", "*Công dân học tập*" toàn huyện cao hơn chỉ tiêu được giao.

2.3.Y tế, Công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở hành nghề y dược tư nhân và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được đảm bảo; làm tốt công tác tiêm chủng mở rộng, dịch bệnh theo mùa được kiểm soát chặt chẽ; các chính sách về BHYT toàn dân, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Triển khai mô hình điểm "Khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử và ứng dụng VNeID"; tiếp tục triển khai việc lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn huyện với tỷ lệ hồ sơ đã tạo lập đạt 98,9%. Các chỉ tiêu về y tế được tập trung chỉ đạo thực hiện; Đã hoàn thành công nhận cho 26 xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, giai đoạn đến năm 2030), vượt 160% chỉ tiêu KH tỉnh giao; hoàn thành 100% xã đạt tiêu chí về ATTP đạt ; tốc độ tăng dân số là 0,55%. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu trên địa bàn huyện Quảng Xương là 98%, đạt 100% KH huyện giao. Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95%, đạt 100%KH tỉnh, huyện giao.

2.4. Lao động, Thương binh và Xã hội

Chế độ, chính sách cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời [22]; công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội, giải quyết việc làm, hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", thực hiện chính sách giảm nghèo tiếp tục được quan tâm, đạt kết quả tích cực; cuộc vận động xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện được đẩy mạnh, đến nay đã xây dựng được 11 căn nhà và trao tặng 12,08 tỷ đồng; trên địa bàn toàn huyện đã vận động, ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra số tiền hơn 6,1 tỷ đồng [23]. Trong năm, đã giải quyết việc làm cho 3.850 lao động, đạt 108,5% KH huyện giao; trong đó, xuất khẩu lao động có thời hạn 720 người, đạt 205,7% KH huyện giao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 80%, đạt 100% KH huyện giao; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội ước đạt 20,1%; số hộ nghèo giảm 143 hộ, vượt 11,7% KH tỉnh giao, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,27 % (từ 1,29% xuống còn 1,02%) đạt 136,1% KH huyện giao, đạt 111,7% KH tỉnh giao; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,27% (từ 4,21% xuống còn 2,94% tương ứng với số hộ cận nghèo giảm 673 hộ, từ 2.230 hộ xuống còn 1.557 hộ cận nghèo).

3. Về hành chính công vụ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

3.1. Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được tổ chức triển khai theo quy định. Tiếp tục rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban chuyên môn cấp huyện giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030; làm tốt

[22] Đã chi trả trợ cấp thường xuyên, trợ cấp 1 lần, trợ cấp mai táng phí cho 63.010 lượt đối tượng người có công với số tiền trên 120 tỷ đồng; Tặng 23.393 suất quà của Chủ tịch nước, của tỉnh cho đối tượng người có công và thân nhân người có công với tổng số tiền trên 8,3 tỷ đồng.

[23] Sau khi kết thúc cuộc vận động (dự kiến đầu tháng 10/2024) Ban Thường trực UBMTTQ huyện sẽ sao kê và báo cáo danh sách, kết quả số tiền vận động, ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân; thực hiện công khai đến Nhân dân trong toàn huyện.

công tác tuyển dụng bổ sung viên chức đơn vị sự nghiệp [24] đảm bảo kịp thời, đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị; Tổ chức xét tuyển hợp đồng làm giáo viên theo Nghị định 111 của Chính phủ [25] để khắc phục một phần tình trạng thiếu giáo viên tại các trường học. Hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng biên chế CBCCVC năm 2024. Triển khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Kế hoạch luân chuyển CBQL ngành giáo dục năm 2024. Quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý ngành Giáo dục [26]; Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý [27] theo đúng quy chế và quy định.

Xét khen thưởng kịp thời cho 177 tập thể và 833 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua. Đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền năm 2024, phối hợp với Ban Dân vận Huyện uỷ triển khai ra mắt mô hình "Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ" tại 8 xã trên địa bàn huyện.

3.2. Công tác CCHC tiếp tục được quan tâm thực hiện; đã hoàn thành ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 10 phòng chuyên môn thuộc UBND huyện; tiếp tục tập trung đẩy mạnh xây dựng chính quyền số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến tại bộ phận "Một cửa" từ huyện đến xã. Kết quả, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tiếp nhận và xử lý ở bộ phận "Một cửa" cấp huyện đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên địa bàn huyện đạt 100%; kiểm tra công tác CCHC, chấp hành nề nếp công vụ; kiểm tra, chấn chỉnh kỷ cương hành chính tại 8 xã trên địa bàn huyện; xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức có vi phạm tại xã Quảng Phúc, xã Quảng Nham.

Công tác quản lý Nhà nước về Tôn giáo tiếp tục được quan tâm, đã phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý tốt về công tác tôn giáo; kịp thời kiểm tra, xử lý những vấn đề phát sinh về tôn giáo tại địa bàn cơ sở.

3.3. Hoạt động Tư pháp

Làm tốt công tác tham mưu trong việc triển khai các nhiệm vụ công tác tư pháp, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ trong công tác tư pháp hiệu quả, thiết thực, phù hợp tại địa phương.

Công tác tuyên truyền, phổ biến GDPL được thực hiện thường xuyên và duy trì tốt; đã tham mưu tổ chức nhiều Hội nghị [28] và nhân rộng các mô hình thực hiện hiệu quả công tác phổ biến GDPL và hoà giải cơ sở như *"Tổ hòa giải 5 tốt"; "Dân vận khéo"; "Làng quê an toàn phụ nữ và trẻ em"; "Tổ liên gia phòng cháy chữa cháy"*. Đã kiện toàn các tổ hòa giải và hòa giải viên cơ sở [29]; Công tác hoà giải cơ sở được thực hiện hiệu quả, kết quả hoà giải thành trên địa bàn huyện đạt 92%. Thực hiện tốt việc rà soát văn bản có yếu tố QPPL, đảm bảo văn bản ban hành đúng thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật [30].

---

[24] Tuyển bổ sung 120 viên chức, gồm: Trung tâm Văn hoá –TT-TT và Du lịch huyện: 01 viên chức; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: 3 chức, ngành Giáo dục và Đào tạo: 116 viên chức.

[25] Tuyển dụng lao động hợp đồng làm giáo viên 310 người.

[26] Điều động, bổ nhiệm cán bộ QL các trường học : 37 người.

[27] Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý: 24 người.

[28] Tổ chức 09 hội nghị với 1930 người tham dự triển khai công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

[29] Trên địa bàn huyện có tổng số 188 tổ hòa giải và 1219 hòa giải viên

[30] Thẩm định 02 Nghị quyết QPPL của HĐND; 10 dự thảo Quyết định QPPL của UBND huyện

3.4. Hoạt động thanh tra, việc xử lý sau thanh tra được tập trung thực hiện; đơn thư được đôn đốc, giải quyết kịp thời. Trong năm, đã thực hiện 15 cuộc thanh tra (trong đó 07 cuộc thanh tra chuyển tiếp từ năm 2023 sang, 08 cuộc thực hiện trong năm 2024), đã ban hành 08 kết luận thanh tra; kiểm tra, phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi, kiểm điểm rút kinh nghiệm nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm.

Công tác tiếp dân được duy trì nghiêm; đơn thư khiếu nại, tố cáo được đôn đốc xử lý và giải quyết kịp thời. Tổng số lượt tiếp công dân là 334 lượt, số người được tiếp 429 người. Tổng số đơn, số vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong năm là 417 đơn, đã giải quyết 376 đơn, tỷ lệ giải quyết 90.1%; trong đó: đã giải quyết được 60/71 đơn khiếu nại, tỷ lệ đơn được giải quyết đạt 84,5%; giải quyết được 09/10 đơn tố cáo, đạt tỷ lệ đơn được giải quyết đạt 90%; số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã giải quyết 316/336 vụ việc, đạt tỷ lệ giải quyết 94%.

4. Về quốc phòng – an ninh

Lực lượng quân sự duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực SSCĐ, nắm chắc tình hình địa bàn. Tổ chức thành công Đại hội thi đua Quyết thắng LLVT huyện giai đoạn 2019-2024 được cơ quan Quân khu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao. Lực lượng quân sự huyện làm tốt chính sách hậu phương quân đội, đón nhận 170 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, đăng ký ngạch dự bị động viên; hoàn thành giao nhận 172 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu quân số, đảm bảo chất lượng. Làm tốt công tác chuẩn bị, tham gia tập huấn các ngành cấp tỉnh; tổ chức tập huấn cho cán bộ cơ quan Ban CHQS huyện và cán bộ cơ sở chặt chẽ, đúng kế hoạch, đạt kết quả cao; Tổ chức diễn tập 06 xã chiến đấu trong KVPT; tổ chức lớp cập nhập kiến thức QP-AN cho 80 học viên đối tượng 3; huấn luyện tại chức cho 40 đối tượng; Làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức diễn tập CH-TM lần 1 năm 2024 theo đúng kế hoạch, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Tổ chức lập đội tham gia các hội thi đạt kết quả quả cao, đạt giải 3 cấp tỉnh hội thi sáng kiến mô hình học cụ HL; giải nhất cá nhân hội thi bắn súng quân dụng DQTV cấp tỉnh; đạt giải 03 hội thao pháo binh toàn năng; đạt 02 giải 3 môn võ đối kháng nam Hội thao thể dục, thể thao Quốc phòng lực lượng DQTV.

Tình hình an ninh trên các tuyến, lĩnh vực, địa bàn trọng điểm tiếp tục được giữ vững ổn định, không xảy ra "đột xuất", "bất ngờ", hình thành "điểm nóng" phức tạp về an ninh, trật tự; một số vụ việc liên quan trong tôn giáo, đơn thư khiếu kiện được phát hiện, tham mưu giải quyết kịp thời. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được tăng cường. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiến độ các nội dung làm sạch dữ liệu dân cư, thu nhận căn cước công dân kèm định danh điện tử và các nhóm nhiệm vụ của Đề án 06. Tình hình trật tự an toàn giao thông được đảm bảo tốt, không xảy ra các vụ tai nạn gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, số vụ, số người chết, người bị thương giảm so với năm 2023; các vi phạm nổi, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông; vi phạm trên lĩnh vực phòng cháy chữa cháy được xử lý nghiêm. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, củng cố và phát huy hiệu quả trong công tác bảo đảm ANTT tại địa bàn cơ sở, đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 10 thực hiện Chỉ thị 09 của Bộ Công an về "Đẩy mạnh phong trào toàn

dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong đồng bào các tôn giáo".

Sự phối hợp giữa các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, Thi hành án được duy trì chặt chẽ và hiệu quả; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã chấp hành nghiêm các quy định của Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, không có vụ án bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; công tác thi hành án dân sự được phối hợp thực hiện hiệu quả, đảm bảo sự nghiêm minh trong thực hiện quy định pháp luật trên địa bàn huyện.

5. Công tác chỉ đạo điều hành

UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 6196/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 phê duyệt Chương trình công tác của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện năm 2024, Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy và HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN năm 2024; phê duyệt ban hành 30 Kế hoạch chuyên đề thực hiện các Đề án [31] và chỉ tiêu nhiệm vụ; chỉ đạo tổ chức triển khai các kế hoạch, Chương trình công tác, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2024 theo từng ngành, lĩnh vực.

Bám sát chủ đề năm 2024 "Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển". Chương trình công tác năm 2024, giao 45 nhiệm vụ chuẩn bị trình UBND huyện và 135 nhiệm vụ chuẩn bị trình Chủ tịch UBND huyện; xác định rõ cơ quan chủ trì, thời hạn báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, báo cáo Thường trực Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện ủy trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, phê duyệt để các đơn vị chuẩn bị và thực hiện.

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện năm 2024, xác định 9 trọng tâm chỉ đạo, 6 nhóm nhiệm vụ lớn và các giải pháp cần tập trung chỉ đạo, điều hành; đồng thời giao cụ thể 9 nhóm chỉ tiêu với 45 chỉ tiêu thành phần cho từng phòng, ngành, đơn vị cấp huyện, các xã, thị trấn tổ chức thực hiện hoàn thành trong năm 2024.

Công tác Chỉ đạo, điều hành được triển khai đồng bộ, quyết liệt, cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm và linh hoạt. Trong điều hành thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện duy trì chế độ giao ban định kỳ và đột xuất để cho ý kiến tập thể, thống nhất chung đối với những nội dung quan trọng trình UBND huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy, nhất là các vấn đề dư luận bức xúc, các vụ việc đơn thư, kiến nghị kéo dài. Theo lĩnh vực phân công phụ trách, các thành viên UBND huyện báo cáo, giải trình hoặc có báo cáo chuyên đề tại các phiên họp UBND huyện, phiên họp lãnh đạo UBND huyện về tình hình, tiến độ giải quyết các nhiệm vụ được giao. Các cuộc họp của UBND, Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch UBND huyện chủ trì đều có thông báo kết luận, giao cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện, gắn thời hạn hoàn thành, báo cáo.

Công tác phối hợp giữa UBND huyện với các ban của HĐND huyện, Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp huyện ngày càng chặt chẽ, thiết thực, hiệu

---

[31] Đề án số 05 về tích tụ, tập trung đất sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; Đề án nâng cao chất lượng trường đạt CQG giai đoạn 2021-2025; đề án xây dựng trường THCS Nguyễn Du thành trường trọng điểm chất lượng cao; Đề án xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu; Đề án xây dựng huyện Quảng Xương đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024; Đề án chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2030

quả, nhất là trong việc thực hiện các phong trào, cuộc vận động ở cơ sở, trong xây dựng NTM, công tác vận động chấp hành pháp luật trong GPMB; hoạt động giám sát, phản biện xã hội; xây dựng bộ máy chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ,... UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Huyện ủy, của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và chấp hành nghiêm các chương trình, kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban MTTQ, đã tập trung thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kết luận, giám sát của Hội đồng nhân dân, kiến nghị sau các kỳ giao ban quy chế dân chủ ở cơ sở; giải trình làm rõ những vấn đề đại biểu quan tâm, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại hội nghị TXCT của HĐND huyện; đã cơ bản chủ động giải quyết, trả lời công dân và cử tri những nội dung, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền, qua đó đã hạn chế tối đa tình trạng đơn thư kéo dài, đơn thư vượt cấp.

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của huyện năm 2024 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cần tập trung chỉ đạo sớm khắc phục đó là:

- Một số chỉ tiêu thực hiện đạt cao hơn so với cùng kỳ nhưng chưa đạt kế hoạch được giao, như: Thu tiền sử dụng đất; Tổng huy động vốn đầu tư phát triển...

- Quản lý Nhà nước về quy hoạch và trật tự xây dựng: Còn xảy ra vi phạm xây dựng công trình trên đất công do xã quản lý; còn tình trạng chợ cóc hoạt động chưa đúng quy định.

- Về văn hoá xã hội: Phát triển du lịch, nhất là du lịch biển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Về hành chính công vụ: Còn có công chức cấp xã vi phạm quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính công vụ.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan: Thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu khởi sắc; Một số quy định, văn bản pháp luật, dưới luật về đất đai.... chưa được ban hành kịp thời, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện, nhất là công tác xác định giá đất cụ thể để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và bồi thường, giao đất tái định cư làm ảnh hưởng lớn đến thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện. Nhu cầu vốn để GPMB và đầu tư các dự án rất lớn, trong khi năng lực tài chính của các nhà đầu tư còn hạn chế. Việc điều chỉnh quy hoạch một số dự án trọng điểm của tỉnh, đã ảnh hưởng trực tiếp đến điều chỉnh quy hoạch của huyện, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

2.2. Nguyên nhân chủ quan: công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng chưa được quan tâm đúng mức, việc xử lý vi phạm chưa kịp thời, triệt để. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức có tinh thần thái độ, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ chưa cao. Một số Chủ đầu tư chưa thực hiện đúng cam kết theo giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, làm ảnh hưởng đến công tác GPMB, tiến độ thực hiện dự án và thu NSNN của huyện.

*** Đánh giá chung:** Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024 trong điều kiện có nhiều khó khăn, nhưng đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Đối với KH tỉnh giao, có 14/15 chỉ tiêu hoàn thành, trong đó có 07 chỉ tiêu vượt KH; Đối với Nghị quyết HĐND huyện giao, có 34/41 chỉ tiêu thành phần hoàn thành, trong đó có 14 chỉ tiêu vượt KH; thu thường xuyên ngân sách ước đạt 131,1 tỷ đồng, tăng 6% so với dự toán tỉnh giao, tăng 2% dự toán huyện giao và tăng 14,9 % so với CK. (1) Kinh tế tăng trưởng: *Về nông nghiệp,* tích tụ, tập trung được 255 ha, vượt 28% KH huyện giao, vượt 2% KH tỉnh giao; cơ cấu cây trồng có sự chuyển dịch tích cực, sản lượng lương thực, sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản đều tăng so với CK. *Về công nghiệp*, các sản phẩm công nghiệp chủ lực đều tăng từ 12,4% đến 13,2% so với CK; *Thương mại, dịch vụ,* tổng doanh thu bán lẻ, giá trị xuất khẩu hàng hóa, giá trị xuất khẩu lao động, tăng từ 11% đến 27,7% so với CK; Tổng huy động vốn đầu tư phát triển đạt 5.271 tỷ đồng, tăng 11,2% so với CK; thành lập mới doanh nghiệp đạt 111,1% KH năm. Kết quả thực hiện GPMB đạt 151,2% KH huyện giao và đạt 92,2% KH tỉnh giao, tăng 17,5 % so với CK. *(3) Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ nổi bật*: thi HSG lớp 9, huyện xếp thứ Nhì toàn tỉnh; xếp thứ nhì toàn tỉnh kỳ thi vào lớp 10 THPT và thi tuyển vào THPT chuyên Lam Sơn; huyện có 228 học sinh đạt tổng điểm từ 27 điểm trở lên, trong đó có 01 học sinh đạt thủ khoa khối C toàn quốc kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào Đại học năm học 2024-2025; số hộ nghèo giảm 143 hộ đạt 136,2% KH huyện giao và đạt 111,7% KH tỉnh giao; giải quyết việc làm cho 3.850 lao động. *(4) An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững;* tổ chức thành công: Đại hội (điểm) thi đua quyết thắng LLVT huyện giai đoạn 2019-2024; Hội nghị tổng kết 10 thực hiện Chỉ thị 09 của Bộ Công an về "Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong đồng bào các tôn giáo". *(5) Công tác chỉ đạo, điều hành có trọng tâm, trọng điểm, sâu sát và cụ thể*; các chủ trương của Đảng được kịp thời cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án và triển khai thực hiện đồng bộ. *(6) Hoạt động phối hợp* giữa chính quyền với MTTQ và các tổ chức đoàn thể ngày càng chặt chẽ, thiết thực, hiệu quả.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG – AN NINH NĂM 2025

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện ven biển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư tạo sự bứt phá về tăng trưởng, đồng thời tạo động lực mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện. Tập trung khai thác, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, phát triển y tế chăm sóc sức khỏe Nhân dân; phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội; giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 8% trở lên, trong đó nông, lâm, thủy sản tăng 3,57%, công nghiệp – xây dựng tăng 10,48%, dịch vụ tăng 8,84 %.

2. Cơ cấu giá trị sản xuất: Nông, lâm, thủy sản 29,85%; công nghiệp - xây dựng 39,79%; dịch vụ 30,36%.

3. Thu nhập bình quân đầu người đạt 70,56 triệu đồng/người/năm trở lên.

4. Tổng sản lượng lương thực đạt 78 nghìn tấn trở lên.

5. Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao 100 ha.

6. Giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 220 triệu đồng.

7. Tổng huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 6.100 tỷ đồng trở lên.

8. Tỷ lệ tăng thu NSNN so với dự toán huyện giao từ 15% trở lên.

9. Thành lập mới 90 doanh nghiệp trở lên và 02 hợp tác xã.

10. Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao 01 xã, 01 xã NTM kiểu mẫu và 15 thôn NTM kiểu mẫu.

11. Tỷ lệ đô thị hóa 19,68% trở lên.

12. Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa 100%

13. Tổng giá trị xuất khẩu 100 triệu USD trở lên.

14. Số chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn 08 chuỗi.

15. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 98,5% trở lên.

16. Diện tích GPMB các dự án khoảng 43,85 ha.

b) Về văn hóa - xã hội

17. Tốc độ tăng dân số 0,53%; mức giảm sinh 0,01%

18. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động là 19,3%.

19. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 81% trở lên.

20. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm 100%.

21. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 100%; công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 04 đơn vị; công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, mức độ 2 là 06 đơn vị.

22. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) dưới 7,35%.

23. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 95,5% trở lên.

24. Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 100%.

25. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,2% theo chuẩn nghèo mới (giảm 105 hộ nghèo).

26. Số lao động được tạo việc làm trong năm 3.850 người, trong đó xuất khẩu lao động 350 người.

27. Tỷ lệ công dân kiểu mẫu đến hết năm 2025 đạt 62%; 03 xã, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu.

28. Tỷ lệ công nhận khu dân cư văn hóa 85%, tỷ lệ gia đình công nhận gia đình văn hóa 85%.

29. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc của UBND huyện là 100%; cấp xã là 100%; Tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 3 trên 100%; mức độ 4 trên 100%.

c) Về môi trường

30. Tỷ lệ che phủ rừng 1,37%.

31. Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh là 100%, trong đó tỷ lệ dân số dùng nước sạch 98 %.

32. Tỷ lệ chất thải được thu gom xử lý đạt 96% trở lên.

d) Về an ninh trật tự

33. Xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: 22 đơn vị.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, xây dựng chương trình, kế hoạch năm 2025 để tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình trọng tâm, khâu đột phá, từng bước cụ thể hóa, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quảng Xương nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh, của huyện; đồng thời, đánh giá, tổng kết các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh nhiệm kỳ 2020-2025; từ đó xây dựng định hướng các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh đưa vào Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quảng Xương lần thứ XXVII nhiệm kỳ 2025-2030, phấn đấu đến năm 2030 huyện trở thành thị xã.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030. Hoàn thành phê duyệt: Quy hoạch chung xây dựng đô thị Quảng Xương đến năm 2045; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch, đô thị ven biển, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035; Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lưu Bình. Thực hiện hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Triển khai thực hiện Đề án thành lập thị trấn Tiên Trang sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Ngành nông nghiệp tiếp tục nỗ lực, tạo bước đột phá trong sản xuất sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, nâng cao giá trị, hiệu quả trên một đơn vị diện tích; phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế, hình thành các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu sản phẩm của huyện. Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 phấn đấu đạt từ 220 triệu đồng; diện tích đất nông nghiệp được tích tụ tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đạt từ 100 ha; ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của huyện, mở rộng diện tích vùng thâm canh lúa chất lượng cao, vùng sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP, vùng sản xuất rau, quả công nghệ cao, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến; quan tâm phát triển một số cây trồng nông nghiệp đặc trưng của địa phương có giá trị kinh tế cao như cây thuốc lào

tại xã Quảng Định, Quảng Trung.., cây đào tại xã Quảng Chính, Quảng Thạch...

Phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, sản xuất theo quy mô công nghiệp, chăn nuôi an toàn sinh học liên kết theo chuỗi giá trị, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung các lĩnh vực sản xuất giống cá nước ngọt, giống tôm, cua và phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP như nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp...

4. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp duy trì hoạt động ổn định và phát huy tối đa công suất, phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng năm 2025 là 10,48%. Phối hợp với Chủ đầu tư dự án để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp: CCN Cống Trúc, CCN Quảng Yên, CCN Nham Thạch làm cơ sở kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, sớm lấp đầy cụm công nghiệp.

5. Phát triển các loại hình dịch vụ trên cơ sở gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kết hợp với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện. Năm 2025 tập trung tiếp tục thực hiện Đề án phát triển du lịch huyện Quảng Xương đến năm 2030; tập trung phát triển du lịch biển và phát triển các ngành dịch vụ thương mại tại các khu đô thị và các làng nghề truyền thống.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, thuận lợi cho việc thu hút đầu tư.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án chuyển đổi số huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh CCHC, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn; duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số thành phần có xếp hạng thấp của chỉ số DDCI, phấn đấu DDCI của huyện nằm trong tốt đầu trong bảng xếp hạng DDCI của tỉnh và nằm trong nhóm điều hành tốt năm 2025.

Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý triệt để các vấn đề còn tồn đọng để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương và cải cách hành chính 2025; thực hiện tốt quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc huyện.

7. Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình, dự án phù hợp với tình hình thực tế; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ GPMB và thi công các dự án sử dụng ngân sách tỉnh, các dự án trọng điểm của huyện.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch GPMB năm 2025 huyện Quảng Xương; trong đó, tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành công tác GPMB các dự án của nhà đầu tư như: các dự án của Tập đoàn BRG tại xã Quảng Nham, Quảng Thạch; Tập đoàn SunGroup tại xã Quảng Yên; dự án Khu đô thị Đông Tân Phong của Tập đoàn Danko; dự án Khu đô thị phía Đông Công sở thị trấn Tân Phong của Liên danh

Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đại Thắng Lợi - Công ty cổ phần HST Eco Decor - Công ty cổ phần đầu tư Ecopark Hải Dương...

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tự giác và hiệu quả việc xử lý, phân loại rác thải tại nguồn; đảm bảo vệ sinh môi trường, phấn đấu tỷ lệ chất rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 96%. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, đặc biệt là tại các làng nghề và các trang trại, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

9. Triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 ngay từ ngày đầu, tháng đầu của năm. Thực hiện hiệu quả dự toán thu - chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh các biện pháp tăng thu, nuôi dưỡng khai thác tốt các nguồn thu, năm 2025 phấn đấu tỷ lệ tăng thu so với dự toán giao là 15%. Kiểm soát chặt chẽ nhiệm vụ chi, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Tăng cường quản lý thu tiền cấp quyền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và phí, lệ phí, thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh. Xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2025, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã được UBND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện giao.

10. Tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội

10.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị - xã hội trên địa bàn huyện, trong đó tập trung cao điểm các hoạt động tuyên truyền về Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 – 2030, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; triển khai có hiệu quả các giải pháp thực hiện chỉ tiêu gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, hoàn thành chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa – thông tin được UBND tỉnh giao năm 2025. Kêu gọi, huy động nguồn lực đầu tư, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa.

10.2. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng HSG, phấn đấu duy trì trong nhóm huyện có chất lượng HSG, chất lượng thi tuyển sinh lớp 10 THPT, thi lớp 10 THPT Lam Sơn, thi tốt nghiệp THPT cao của tỉnh. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên gắn với việc bảo đảm các quy định về định mức từng cấp học và trình độ đào tạo nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống, chất lượng ngoại ngữ cho học sinh và thành tích giáo dục mũi nhọn. Tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại quy mô trường, lớp đảm bảo hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện có. Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục. Phối hợp tổ chức tốt hoạt động tuyên truyền về giáo dục, xây dựng và triển khai có hiệu quả mô hình xã hội học tập, Công dân học tập trên địa bàn huyện.

10.3. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm. Nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 95,5%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; triển khai hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

11. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, nâng

cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, khuyến khích sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức địa bàn huyện. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trên địa bàn huyện; giám sát, chỉ đạo thực hiện kịp thời, nghiêm túc các kết luận sau thanh tra; không để tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân.

12. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương, tăng cường nắm bắt tình hình, nhất là các địa bàn trọng điểm. Hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân và các kế hoạch huấn luyện, diễn tập quân sự năm 2025. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, kiềm chế và làm giảm tai nạn giao thông. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, gắn với nâng cao năng lực, trách nhiệm của các cấp, các ngành và lực lượng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo đảm ANTT tại cơ sở/.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- TTr Huyện uỷ, TTr HĐND huyện; } (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện;
- Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG T. THANH HÓA

Nguyễn Huy Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

PHỤ LỤC 1

ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024
Theo Nghị quyết số 3342/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện
(*Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../11/2024 của UBND huyện Quảng Xương)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
I	**VỀ KINH TẾ**												
1	Tăng trưởng giá trị sản xuất *(giá so sánh 2010)*	%	104,00	111,40		107,04	107,04	96,1		108			
-	Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	"	103,33	103,80		103,41	103,41	99,6		103,57			
-	Công nghiệp - xây dựng	"	101,14	117,50		108,04	108,04	91,9		110,48			
-	Dịch vụ	"	109,22	110,50		109,37	109,37	99,0		108,84			
2	Cơ cấu giá trị sản xuất *(giá hiện hành)*	%	100,0	100,0		100,0				100			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
-	Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	"	32,3	28,8		31,3				29,85			
-	Công nghiệp - xây dựng	"	39,5	42,7		39,3				39,79			
-	Dịch vụ	"	28,2	28,5		29,4				30,36			
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	63	70		66,52	105,6	95,0		70,56			
4	Sản lượng lương thực có hạt	1.000 tấn	82	80		83,6	102,0	104,5		78			
5	Diện tích đất NN được tích tụ tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	ha	310	200	250	255	82,3	127,5	102	100			
6	Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	202,4	212		212,4	104,9	100,2		220			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
7	Tổng huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	4.742	7.500		5.271	111,2	70,3		6.100			
8	Tỷ lệ tăng thu ngân sách năm so với dự toán huyện giao	%		15		- 36,7				15,0			
9	Số doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn	Doanh nghiệp	116	90	90	100	86,2	111,1	100	90			
9.1	Số HTX thành lập	HTX	5	2	2	4	80,0	200,0	200	2			
10	Xây dựng nông thôn mới												
10.1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	4	1	2	3	75,0	300,0	150	1	100	33,3	
10.2	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã	2		1	1	50		100	1		100	
10.3	Số thôn đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu	Thôn	28	22		20	71,4	90,9		15			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
11	Tỷ lệ đô thị hóa (bao gồm đô thị cống trúc)	%	13,68	13,68	19,68	19,68	143,8	143,8	100	19,68	143,8	100	
12	Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được cứng hóa	%	100	100		100	100,0	100,0		100			
13	Giá trị tham gia xuất khẩu	Tr USD	105,438	102		122,90	116,6	120,5					
13.1	*Giá trị từ xuất khẩu hàng hóa*	*Tr USD*	*86,438*	80		99,4	115,0	124,3		100			
13.2	*Giá trị từ xuất khẩu lao động*	*Tr USD*	*19*	22		23,50	123,7	106,8					
14	Số chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	Chuỗi	16	15	19	19	118,8	126,7	100	8	53,3%	42,1	
	Lúa gạo	Chuỗi	4		4	2	50		50	1,0		50	
	Rau quả	Chuỗi	2		3	5	250		166,7	1,0		20	
	Thịt gia súc, gia cầm	Chuỗi	5		6	6	120,0		100	1,0		16,7	
	Thủy sản	Chuỗi	5		6	6	120,0		100	5,0		83,3	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
15	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	97	98		98,0	101,0	100,0		98,5			
16	Công tác GPMB	ha	135,21	105	172,24	158,81	117,5	151,2	92,2	43,85	25,45	27,6	
	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI												
17	Tốc độ tăng dân số	%	0,7	0,55		0,55	78,6	100,0		0,53			
17.1	Mức giảm sinh	‰	0,3	0,1		0,100	33,3	100,0		0,10			
18	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	22,3	22,20		20,100	110,9	110,4		19,30			
19	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	79	80,0		80,0	101,3	100,0		81,0			
20	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí về ATTP	%	96	100	100	100	104,2	100,0	100	100	100	100	
21	Xây dựng trường chuẩn quốc gia												
21.1	Số trường đạt chuẩn công nhận lại mức độ 1, mức độ 2	Trường	7	10		17,0	242,9	170,0		6			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
	Số trường công nhận nâng mức chuẩn mức độ 2	Trường	5	-		2,0	40,0			4			
21.2	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	98,89	100,0	100,0	100,0	101,1	100,0	100	100	
22	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	8,55	7,5		7,50	114,0	100,0		7,35			
23	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93	95	95	95,00	102,2	100,0	100	95,5	100,2	100,2	
24	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	99,8	100		100	100,2	100,0		100			
25	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm 0,36% (còn lại 1,29%)	Giảm 0,2% (còn lại 1,09)	Giảm 0,24% (còn lại 1,05)	Giảm 0,24% (còn lại 1,05)				Giảm 0,2% (còn lại 0,82)			
25.1	Số hộ nghèo giảm	Hộ	194	105	128	128,0	66,0	121,9	100	105,0	100	82	
26	Số lao động được tạo việc làm trong năm	Người	3.850	3.550		3.850,0	100,0	108,5		3.850,0			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
26.1	*Trong đó: Số người xuất khẩu lao động*	*Người*	719	350		720,0	100,1	205,7		350,0			
27	Tỷ lệ công dân kiểu mẫu	%	58	60		60,0	103,4	100,0		62,0			
27.1	Số xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu	Đơn vị	8	4	3	4,0	50,0	100,0	133,3	3,0	75	75	
28	Tỷ lệ công nhận khu dân cư văn hóa	%	82,5	84	84	84,0	101,8	100,0	100	85,0	101,2	101,2	
28.1	Tỷ lệ gia đình công nhận gia đình văn hóa	%	82,5	84	84	84,0	101,8	100,0	100	85,0	101,2	101,2	
29	**Tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến**												
	Mức độ 3	*%*	*100*	100	90	100	100,0	100,0	111,1	100	100	100	
	Mức độ 4	*%*	*100*	100	85	100	100,0	100,0	117,6	100	100	100	
	VỀ MÔI TRƯỜNG												
30	Tỷ lệ che phủ rừng		1,37	1,37		1,37	100,0	100,0		1,37			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
31	Tỷ lệ dân số dùng nước sạch hợp vệ sinh	%	100	100		100,0	100,0	100,0		100,0			
31.1	*Trong đó: Tỷ lệ dân số dùng nước sạch*	*%*	*96*	97		97,0	101,0	100,0		98,0			
32	Tỷ lệ chất thải được thu gom xử lý	%	93	95	95	95,00	102,2	100,0	100	96,00	101,1	101,1	
	VỀ AN NINH TRẬT TỰ												
33	Xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	Đơn vị	26	24		21,0	80,8	87,5		22			
	CÁC CHỈ TIÊU GIAO BỔ SUNG (TỈNH GIAO)												
34	Số sản phẩm OCOP được xếp hạng	sp	10		8	11	110		137,5	10		90,9	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024						năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2024		Ước thực hiện năm 2024	So sánh			Kế hoạch	So với KH huyện giao năm 2024	So với ước TH năm 2024	
				Theo NQ số 334/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện	Theo QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh		Ước TH 2024 so với TH 2023	Ước thực hiện so với KH huyện giao	Ước thực hiện so với KH tỉnh giao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	
35	Chỉ tiêu xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm an toàn thực phẩm	Cơ sở	4		4	4	100		100	2		50	
36	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường thị trấn an toàn thực phẩm	xã	0		1	1			100	0			
37	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường thị trấn an toàn thực phẩm nâng cao	xã	1		4	4	100		100	2	50	50	
38	Chỉ tiêu xây dựng chợ kinh doanh TPAT	Xã	0		1	1			100	0			
39	Chỉ tiêu cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	CH	5		4	4	80		100	2	50	50	
40	Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	26		10	26	100		260	26	260	100	